

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **252/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-8-2026

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm;

2. Bà Lê Thị Hoành Thương.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Võ Hồng Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 273/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1049/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Đoàn Minh Đ**, sinh năm 1987. *Vắng mặt.*

Số Căn cước công dân: 049087004287.

- Bị đơn: chị **Trương Thị Lệ T**, sinh năm 1991. *Vắng mặt.*

Số Căn cước công dân: 049191008878.

Cùng địa chỉ: **thôn Q, xã X, thành phố Đà Nẵng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2026, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - anh **Đoàn Minh Đ** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị **T** tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012 ngày

21/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị **T**.

Về con chung: anh và chị **T** có 02 con chung tên **Đoàn Minh K**, sinh ngày 26/3/2014 và **Đoàn Minh H**, sinh ngày 10/11/2015. Khi ly hôn anh thống nhất giao 02 con cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi con 2.500.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai ngày 31/7/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - chị **T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị thống nhất với lời trình bày của anh **Đ** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng từ năm 2022 anh **Đ** đi làm ăn xa nhà đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhưng anh **Đ** không chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ này. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, nhưng các con còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi con cái trưởng thành.

Về con chung: chị và anh **Đ** có 02 con chung tên **Đoàn Minh K**, sinh ngày 26/3/2014 và **Đoàn Minh H**, sinh ngày 10/11/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi con 2.500.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hiện tại chị đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không mang thai.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn - anh **Đoàn Minh Đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn - chị **T** có nơi cư trú tại **thôn Q, xã X, thành phố Đà Nẵng**. Chị **T** hiện không mang thai. Anh **Đ** khởi kiện xin ly hôn với chị **T** và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh **Đ** và chị **T** tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam** (nay là Ủy ban nhân dân xã **X, thành phố Đà Nẵng**) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012 ngày 21/12/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Theo anh **Đ**, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau; chị **T** cho rằng từ năm 2022, anh **Đ** đi làm xa nhà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, anh **Đ** cương quyết xin ly hôn và chị **T** cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh **Đ**, chị **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Đ** là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân anh **Đ**, chị **T** có 02 con chung tên **Đoàn Minh K**, sinh ngày 26/3/2014 và **Đoàn Minh H**, sinh ngày 10/11/2015. Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2026, anh **Đ** và chị **T** đều thống nhất giao 02 con cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Đ** cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận trên của anh **Đ**, chị **T** là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi của các con nên cần ghi nhận. Chị **T** hiện đang làm công nhân tại **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S** với mức thu nhập trung bình mỗi tháng là 7.780.884 đồng nên có nghề nghiệp và thu nhập ổn định để nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu **Đoàn Minh K** và cháu **Đoàn Minh H** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh **Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **K** và cháu **H** mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng: từ tháng 8 năm

2026 cho đến khi cháu **K**, cháu **H** thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với các Điều 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh **Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: anh **Đoàn Minh Đ** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Đoàn Minh Đ** đối với chị **Trương Thị Lệ T** về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh **Đoàn Minh Đ** và chị **Trương Thị Lệ T**.

2. Về con chung: giao cháu **Đoàn Minh K**, sinh ngày 26/3/2014 và cháu **Đoàn Minh H**, sinh ngày 10/11/2015 cho chị **Trương Thị Lệ T** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Đoàn Minh Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **K** và cháu **H** mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng: từ tháng 8 năm 2026 đến khi cháu **K**, cháu **H** thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng anh **Đoàn Minh Đ** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh **Đ** đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006452 ngày 16/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Anh **Đ** còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND thành phố Đà Nẵng;
 - VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
 - Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
 - UBND xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng;
- (Giấy CNKH số 56/2012 ngày 21/12/2012 của UBND xã Quế Xuân 2 cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Kim Phụng